

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2022/ HNGĐ - ST
Ngày 26-7-2022
Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hùng.
2. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/ 2022/TLST- HNGĐ ngày 15/4/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị S**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi

Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:*

Chị S và anh H quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và dẫn

nhau đi làm ăn ở Bình Dương. Tuy nhiên về sau tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nguyên nhân là do anh H có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị S. Vì con còn nhỏ chị S đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc. Nhưng không có gì thay đổi, anh H vẫn thường xuyên đánh chị S ngay trước mặt các con chị. Sự việc đã được chị S nhiều lần báo lên chính quyền địa phương nhưng anh H không thay đổi. Hiện nay chị S và anh H đã sống ly thân.

Nay chị S cảm thấy tình cảm giữa chị S và anh H đã không còn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 01/8/2001; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012.

Khi ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012 và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2022.

Đối với con Nguyễn Thị Thu T đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung.

Án phí: theo quy định của pháp luật.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

-Anh H thống nhất với lời trình bày của chị S về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Trong cuộc sống vợ chồng anh H thừa nhận có hay nhậu nhẹt và có hay đánh chị S. Anh đã thấy sai trái và mong chị S cho anh cơ hội để sửa sai, và làm lại. Anh hứa là sẽ lo làm ăn, không có nhậu nhẹt nữa. Vì vậy, anh mong muốn Tòa án hòa giải và chị S cho anh H cơ hội để anh H thay đổi tính tình. Anh H không đồng ý ly hôn.

Hiện nay anh H làm nghề chạy xe ôm và làm ở xưởng gỗ. Thu nhập bình quân 1 tháng ở xưởng gỗ là 6.000.000 đồng còn xe ôm thì vô chừng có khách gọi thì chạy.

-Về con chung: có 03 con chung tên: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 01/8/2001; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012.

Nếu như chị S cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012. Và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu Tòa án chấp nhận giao con cho chị S trực tiếp nuôi thì anh H cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Nguyễn Thị Thu T đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

-Án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S. Về hôn nhân; chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012 cho chị Nguyễn Thị S nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi cháu là 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét, nợ chung: không có. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H, anh H có nơi cư trú ở xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị S và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2002, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị S có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Tại phiên tòa ngày 05/7/2022, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày

26/7/2022, anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do, chị S vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh H có thừa nhận hay nhậu và hay đánh chị S, anh H mong muốn Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ và không đồng ý ly hôn. Nhưng chị S cương quyết ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh H đã diễn ra trong thời gian gian dài và đã trầm trọng. Chị S đã cho anh H thời gian để sửa đổi nhưng anh H không thay đổi. Chị S đã không còn tình cảm với anh H và đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Nguyễn Thị S yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Anh H, chị S thừa nhận có 03 con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 01/8/2001; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012.

Xét yêu cầu nuôi con của chị S, HĐXX thấy: các cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012 đang sống chung với S. Nhận thấy các cháu là trẻ em gái cần sự chăm sóc của người mẹ, các cháu đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với chị S đồng thời anh H trong quá trình chung sống trước kia có hành vi bạo lực gia đình nên việc giao các cháu cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi mọi mặt của các cháu.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 01/8/2001 đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Cháu T1, cháu N còn đang trong tuổi học hành. Để đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt, học tập của hai cháu trong điều kiện hiện nay một mình chị S không thể đảm bảo. Anh H làm nghề chạy xe ôm và làm ở xưởng gỗ, có thu nhập. Chị S yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị S, buộc anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012 hàng tháng, mỗi tháng là 4.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị S, anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H là đúng pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng theo quy định tại điểm đ khoản Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung:

Giao hai cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 07/12/2007 và Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 31/7/2012 hàng tháng, mỗi tháng là 4.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp theo biên lai số 0001556 ngày 15/4/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TÒA

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Thị Diệu